

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
Số: 2890/QĐ-XHNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ban hành kèm theo Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05/03/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Lưu trữ học, mã số ngành: 9320303

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Lưu trữ học học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: LƯU TRỮ HỌC
MÃ SỐ : 9320303

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2890/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Lưu trữ học
- + Tiếng Anh: Archival Science

- Mã số ngành đào tạo: 9320303

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Lưu trữ học
- + Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Archival Science

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cung cấp nguồn nhân lực trình độ tiến sĩ về lưu trữ học; trang bị kiến thức chuyên sâu và nâng cao về lý luận, thực tiễn cũng như các vấn đề mới trong lĩnh vực lưu trữ của Việt Nam và thế giới; phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể để áp dụng trong việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề của lưu trữ học; kiến thức và phương pháp tổ chức, quản lý công tác lưu trữ trong quản lý nhà nước về lĩnh vực văn thư – lưu trữ cũng như tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- Chương trình được thiết kế để đào tạo cán bộ có trình độ chuyên môn sâu về Lưu trữ học:

- Có khả năng tổ chức nghiên cứu độc lập và thiết kế, tổ chức nghiên cứu các chương trình, đề tài khoa học để xây dựng và phát triển hệ thống lý luận/ lý thuyết về khoa học lưu trữ;

- Có khả năng tổ chức, quản lý, tư vấn và tham gia xây dựng chính sách, biện pháp và tổ chức thực hiện quyết định của các cơ quan, doanh nghiệp về hoạt động lưu trữ;

- Đảm nhiệm tốt nhiệm vụ nghiên cứu và giảng dạy về lưu trữ học ở bậc đại học và sau đại học.

2.2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực lưu trữ học.

- Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn về lưu trữ học.

- Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo trong lĩnh vực lưu trữ học.

- Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển lĩnh vực lưu trữ học.

- Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu về lưu trữ học và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

- Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong nghiên cứu lưu trữ học.

- Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia trong lĩnh vực lưu trữ học.

- Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, xếp loại tốt nghiệp

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và cần có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 1 năm trong lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực đăng kí dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ các ngành/chuyên ngành thuộc nhóm ngành phù hợp 2 hoặc trường hợp khác (nếu có).

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phân biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có

thể đề xuất cán bộ nghiên cứu làm người hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Năng lực ngoại ngữ cần được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định của ĐHQGHN tương đương trình độ bậc 4/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Lưu trữ học và Tư liệu học, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học.

- Ngành phù hợp 2: Lịch sử, Bảo tàng học, Khoa học Thư viện, Hán Nôm, Ngôn ngữ Pháp, Quản trị văn phòng, Chính sách công, Quản lý công, Quản lý giáo dục.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác: Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.1. Danh mục học phần bổ sung với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Hệ thống văn thư trong các cơ quan, tổ chức	3
2	Lý thuyết lưu trữ	3
3	Tổ chức quản lý lưu trữ	3
4	Chính sách lưu trữ	4
Tổng		13

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 3-5 nghiên cứu sinh/ 1 năm).

- Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với ngành Lưu trữ học.

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó cho tác giả sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án.

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực Lưu trữ học, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành Lưu trữ học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 và không quá 300 trang, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và phân biện của riêng nghiên cứu sinh.

- Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 03 đến 05 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án.

- Khuyến khích nghiên cứu sinh viết luận án và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Người học có khả năng nghiên cứu độc lập các vấn đề thuộc lĩnh vực lưu trữ học như nghiên cứu những lí luận mới về lưu trữ học; Cơ sở khoa học và thực tiễn về công tác văn thư, lưu trữ để tham mưu cho Đảng và Nhà nước đề ra những chủ trương, chính sách phù hợp với xu thế phát triển hiện nay; Những tác động của sự thay đổi trong xã hội hiện đại đến công tác lưu trữ; Biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác lưu trữ trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

- Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án: trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/ tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus;

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/ giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/ báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành hoặc báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN hoặc bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có tối thiểu 02 bài báo/ báo cáo quốc tế thuộc một trong số các ấn phẩm sau: chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã ISBN, hoặc bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

3.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO 1. Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO 2. Thẩm định, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực lưu trữ.

PLO 3. Phát hiện và giải quyết các vấn đề pháp lý và khuynh hướng phát triển của hoạt động lưu trữ.

PLO 4. Đánh giá những thành tựu phát triển khoa học công nghệ để ứng dụng trong hoạt động lưu trữ.

PLO 5. Sáng tạo phương pháp luận và các phương pháp cụ thể để thực hiện các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lưu trữ.

3.4. Kiến thức học phần và chuyên đề NCS

PLO 6. Đánh giá các vấn đề cần nghiên cứu về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực lưu trữ học nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

PLO 7. Hệ thống hoá, đánh giá cơ sở thực tiễn, pháp lý để đề xuất những kiến giải khoa học giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của lưu trữ học Việt Nam và thế giới.

4. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

PLO 8. Suy luận, phân tích, phát hiện và xử lý các vấn đề cấp thiết phát sinh trong hoạt động lưu trữ và công tác lưu trữ.

PLO 9. Quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển lưu trữ học.

PLO 10. Nghiên cứu độc lập và sử dụng tốt các phương pháp nghiên cứu để phát hiện và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề đang đặt ra trong công tác lưu trữ của các cơ quan, doanh nghiệp.

PLO 11. Thiết kế, xây dựng và triển khai đề án nghiên cứu cơ bản về khoa học lưu trữ; thuyết trình và phản biện các vấn đề, đề án khoa học.

PLO 12. Giảng dạy các chuyên đề về lưu trữ học; hướng dẫn các học viên cao học thực hiện luận văn.

PLO 13. Tổ chức và tập hợp các nhóm làm việc hiệu quả để giải quyết các vấn đề cấp thiết trong lĩnh vực lưu trữ.

PLO 14. Quản lý và lãnh đạo một tập thể người lao động để thực hiện các nhiệm vụ được giao và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động lưu trữ trong các cơ quan, doanh nghiệp.

5. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO 15. Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia về lưu trữ học.

PLO 16. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác nghiên cứu các tri thức mới về lưu trữ học.

PLO 17. Chuyên nghiệp, chủ động, độc lập và sáng tạo trong việc nghiên cứu đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.

6. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Chuyên gia, nhà nghiên cứu về lĩnh vực văn thư - lưu trữ, quản trị văn phòng.
- Giảng viên bậc đại học và sau đại học về lĩnh vực văn thư – lưu trữ, quản trị văn phòng.
- Đảm nhiệm được các vị trí lãnh đạo và quản lý các cơ quan lưu trữ: Cục Lưu trữ thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Văn thư-Lưu trữ Nhà nước; Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh.
- Phụ trách công tác Văn thư-Lưu trữ các cơ quan cấp Bộ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- Đảm nhiệm được vị trí quản lý lưu trữ chuyên ngành, lưu trữ kỹ thuật, lưu trữ các tập đoàn kinh tế lớn.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Tham gia các chương trình học tập, nghiên cứu nâng cao dành cho những người có trình tiến sĩ ở các lĩnh vực có liên quan.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

- | | |
|--|------------------------------|
| Tổng số tín chỉ phải tích lũy: | 90 tín chỉ, trong đó: |
| - Các học phần tiến sĩ: | 10 tín chỉ |
| + Bắt buộc: | 6 tín chỉ |
| + Tự chọn: | 4 tín chỉ/8 tín chỉ |
| - Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: 8 tín chỉ | |
| + Chuyên đề tiến sĩ: | 6 tín chỉ |
| + Tiểu luận tổng quan: | 2 tín chỉ |
| + Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>) | |
| - Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>) | |
| - Luận án tiến sĩ: | 72 tín chỉ |

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	120 tín chỉ, trong đó:
- Học phần bổ sung:	30 tín chỉ
+ Bắt buộc:	14 tín chỉ
+ Tự chọn:	16 tín chỉ/35 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	10 tín chỉ
+ Bắt buộc:	6 tín chỉ
+ Tự chọn:	4 tín chỉ/8 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	8 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	6 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	2 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Luận án tiến sĩ:	72 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		10				
I.1	Các học phần bắt buộc		6				
1	ARO8016	Phương pháp liên ngành trong nghiên cứu lưu trữ học <i>Interdisciplinary Methods in Archival Research</i>	2	27	6	67	
2	ARO8005	Quản lý công tác lưu trữ <i>Archival Work Management</i>	2	27	6	67	
3	ARO8004	Pháp luật Việt Nam về lưu trữ <i>Vietnamese Legal Frameworks on Archives</i>	2	27	6	67	
I.2	Các học phần tự chọn		4/8				
4	ARO8015	Tài liệu lưu trữ với nghiên cứu khoa học <i>Archives in Scientific Research</i>	2	27	6	67	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
5	ARO8017	Lý thuyết hệ thống trong lưu trữ học <i>System Theory in Archival Science</i>	2	27	6	67	
6	ARO8006	Lịch sử lưu trữ học Việt Nam <i>History of Archival Science in Vietnam</i>	2	27	6	67	
7	ARO8008	Xã hội hoá công tác lưu trữ <i>Socialisation of Archival Works</i>	2	27	6	67	
II	Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan, và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiên sĩ		6				
8	ARO8018	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
9	ARO8019	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
10	ARO8020	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
11	ARO8014	Tổng quan tình hình nghiên cứu lưu trữ học <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
IV	Luận án tiên sĩ		72				
12	ARO9002	Luận án tiên sĩ <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
Tổng cộng			90				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		30				
I.1	Các học phần bắt buộc		14				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	200	0	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
2	ARO6026	Hệ thống văn thư trong các cơ quan, tổ chức <i>System of records management in organization</i>	3	40	10	100	
3	ARO6033	Lý thuyết lưu trữ <i>Archival Theory</i>	4	60	0	140	
4	ARO6034	Tổ chức quản lý lưu trữ <i>Archival management and Organization</i>	3	40	10	100	ARO6033
I.2	Các học phần tự chọn		16/35				
5	ARO6045	Chính sách lưu trữ <i>Archival Policy</i>	3	40	10	100	ARO6033
6	ARO6110	Lưu trữ tài liệu khẩu vấn <i>Oral Source Archiving</i>	2	27	6	67	ARO6033
7	ARO6113	Hợp tác quốc tế trong lưu trữ của Việt Nam <i>Vietnam's international cooperation in the field of Archives</i>	2	27	6	67	ARO6033
8	ARO6048	Quản trị rủi ro trong lưu trữ <i>Risk Management in Archives</i>	3	40	10	100	ARO6033
9	ARO6049	Lịch sử văn bản học <i>Documentary History</i>	3	40	10	100	ARO6033
10	ARO6050	Công bố tài liệu văn kiện <i>Disclosure of Archival Records</i>	3	40	10	100	
11	ARO6030	Lí luận và thực tiễn về thủ tục hành chính <i>Theory and Practice of Administrative Procedures</i>	2	27	6	67	ARO6033
12	ARO6031	Phương pháp sử liệu học <i>Methods of Historical Sources Studies</i>	2	27	6	67	ARO6033
13	ARO6037	Tổ chức lưu trữ tài liệu điện tử <i>Electronic Archives Management</i>	2	27	6	67	ARO6033
14	ARO6038	Tổ chức lưu trữ tài liệu nghe nhìn <i>Audio-Visual Archives Management</i>	2	27	6	67	ARO6033
15	ARO6039	Tổ chức lưu trữ tài liệu khoa học công nghệ <i>Scientific-Technological Archives Management</i>	2	27	6	67	ARO6033
16	ARO6052	Quản lý tài liệu lưu trữ trong các doanh nghiệp <i>Business Archives Management</i>	3	40	10	100	ARO6033
17	ARO6114	Quản lý tài liệu lưu trữ trong các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội <i>Management of Records in Social and Social - Political Organizations</i>	2	27	6	67	ARO6033
18	ARO6042	Lưu trữ tài liệu đặc thù	2	27	6	67	ARO6033

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Specialized Archives Management</i>					
19	ARO6044	Thực hành quản lý hoạt động lưu trữ <i>Practical Training in Archival Activities Management</i>	2	27	6	67	ARO6033
III	Các học phần tiên sĩ		10				
III.1	Các học phần bắt buộc		6				
20	ARO8016	Phương pháp liên ngành trong nghiên cứu lưu trữ học <i>Interdisciplinary Methods in Archival Research</i>	2	27	6	67	
21	ARO8005	Quản lý công tác lưu trữ <i>Archival Work Management</i>	2	27	6	67	
22	ARO8004	Pháp luật Việt Nam về lưu trữ <i>Vietnamese Legal Frameworks on Archives</i>	2	27	6	67	
III.2	Các học phần tự chọn		4/8				
23	ARO8017	Lý thuyết hệ thống trong lưu trữ học <i>System Theory in Archival Science</i>	2	27	6	67	
24	ARO8006	Lịch sử lưu trữ học Việt Nam <i>History of Archival Science in Vietnam</i>	2	27	6	67	
25	ARO8008	Xã hội hoá công tác lưu trữ <i>Socialisation of Archival Works</i>	2	27	6	67	
26	ARO8015	Tài liệu lưu trữ với nghiên cứu khoa học <i>Archives in Scientific Research</i>	2	27	6	67	
IV	Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan, và NCKH		8				
IV.1	Chuyên đề tiên sĩ		6				
27	ARO8018	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
28	ARO8019	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
29	ARO8020	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
IV.2	Tiểu luận tổng quan		2				
30	ARO8014	Tổng quan tình hình nghiên cứu lưu trữ học <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
IV.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
V	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
VI	Luận án tiến sĩ		72				
31	ARO9002	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
Tổng cộng			120				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá